

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**NIÊN ĐỘ TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 03 NĂM 2010**

**CÔNG TY CỔ PHẦN**  
**MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

---

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
1. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	1 - 4
2. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
3. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6 - 7
4. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2010

Đơn vị tính: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>718.812.798.358</b>	<b>517.108.808.636</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>61.554.134.359</b>	<b>153.714.090.879</b>
1. Tiền	111		5.554.134.359	5.714.090.879
2. Các khoản tương đương tiền	112		56.000.000.000	148.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>116.012.204.818</b>	<b>134.448.582.350</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	155.574.885.506	172.625.181.038
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(39.562.680.688)	(38.176.598.688)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>129.173.956.053</b>	<b>139.884.304.150</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	74.914.641.052	21.390.124.820
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	33.108.500.425	98.655.042.690
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	21.198.364.970	19.945.535.973
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(47.550.394)	(106.399.333)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>404.487.493.593</b>	<b>73.054.459.157</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	404.487.493.593	73.054.459.157
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>7.585.009.535</b>	<b>16.007.372.100</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	6.236.212.506	14.432.579.813
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	1.348.797.029	1.574.792.287

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>397.831.747.772</b>	<b>393.983.675.928</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.828.643.562</b>	<b>13.369.627.502</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.12	12.828.643.562	13.369.627.502
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>142.602.444.453</b>	<b>160.622.158.552</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	138.994.420.745	156.800.355.918
<i>Nguyên giá</i>	222		1.001.462.566.201	1.001.200.083.376
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(862.468.145.456)	(844.399.727.458)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.14	2.494.201.477	2.801.124.796
<i>Nguyên giá</i>	228		6.437.349.921	6.437.349.921
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.943.148.444)	(3.636.225.125)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	1.113.822.231	1.020.677.838
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>239.137.093.548</b>	<b>216.628.093.548</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	29.275.593.886	21.196.593.886
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	43.046.310.000	43.676.310.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	176.025.178.187	160.965.178.187
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(9.209.988.525)	(9.209.988.525)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>3.263.566.209</b>	<b>3.363.796.326</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	3.263.566.209	3.363.796.326
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.116.644.546.130</b>	<b>911.092.484.564</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>356.562.404.183</b>	<b>219.040.814.166</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>343.187.183.310</b>	<b>205.207.972.859</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	23.486.158.537	32.332.833.572
2. Phải trả người bán	312	V.22	164.433.654.818	57.904.529.305
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	1.096.865.000	13.649.184.998
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	58.085.947.780	53.399.318.548
5. Phải trả người lao động	315		22.936.258.686	8.099.342.929
6. Chi phí phải trả	316	V.25	53.751.087.943	22.787.896.706
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.26	19.397.210.546	17.034.866.801
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.375.220.873</b>	<b>13.832.841.307</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	V.27	-	578.632.133
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.28	12.873.652.941	12.873.652.941
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.29	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.30	501.567.932	380.556.233
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>760.082.141.947</b>	<b>692.051.670.398</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>732.569.069.338</b>	<b>664.176.971.638</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.31	300.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.31	114.994.917.000	114.994.917.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414	V.31	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(280.763.897)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.31	109.878.776.561	109.878.776.561
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.31	18.947.903.889	18.947.903.889
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.31	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.31	198.451.467.084	130.340.133.281
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>27.513.072.609</b>	<b>27.874.698.760</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	V.32	26.785.641.229	27.051.818.929
2. Nguồn kinh phí	432	V.33	37.576.114	84.776.114
3. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	V.34	689.855.266	738.103.717
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.116.644.546.130</b>	<b>911.092.484.564</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

### Bảng cân đối kê toán (tiếp theo)

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN


CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.34	-	103.742.647.619
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	V.35	548.144.663	548.144.663
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		33.254,04	78.032,47
Euro (EUR)		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2010

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Tam

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Quý I - 2010

Đơn vị tính: VND

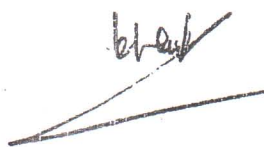
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	253.922.841.291	282.034.132.010
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	253.922.841.291	282.034.132.010
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	144.509.426.785	214.963.631.788
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		109.413.414.506	67.070.500.222
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.158.112.070	5.506.113.952
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.185.028.217	5.552.121.208
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.299.998.606	1.159.227.108
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	4.006.404.406	5.836.567.092
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	16.513.335.600	11.583.856.091
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.866.758.353	49.604.069.783
11. Thu nhập khác	31	VI.7	17.294.886	140.574.475
12. Chi phí khác	32	VI.8	33.901.601	94.643.254
13. Lợi nhuận khác	40		(16.606.715)	45.931.221
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		90.850.151.638	49.650.001.004
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.24	22.738.817.835	12.220.125.443
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	-	19.839.059
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>68.111.333.803</u>	<u>37.410.036.502</u>

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

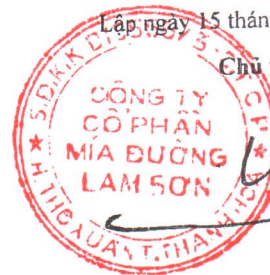
Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2010

Chủ tịch HĐQT




Lê Văn Tam

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý I - 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		90.850.151.638	49.650.001.004
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		18.322.605.166	14.763.790.581
- Các khoản dự phòng	03		1.448.244.760	1.700.463.183
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	41.750.264	(79.356.234)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		85.246.448	(2.641.140.193)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	1.299.998.606	1.159.227.108
- Các khoản chi trực tiếp từ lợi nhuận	07			
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		112.047.996.882	64.552.985.449
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		10.193.078.543	(16.415.354.334)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(331.433.034.436)	(115.019.420.530)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		135.692.129.774	118.951.285.405
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		8.296.597.424	13.292.164.421
- Tiền lãi vay đã trả	13		(1.263.567.419)	(1.129.171.970)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(12.220.125.443)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.116.271.574	426.815.020
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.228.829.566)	(146.395.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(79.799.482.667)</b>	<b>64.512.908.461</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(440.873.666)	(4.425.435.122)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50.919.704.468)	(42.140.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		71.500.000.000	26.300.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(26.669.000.000)	(4.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		630.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	VI.3	2.146.765.683	3.019.460.459
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(3.752.812.451)</b>	<b>(21.745.974.663)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, Thọ Xuân, Thanh Hoá

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

### Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	V.31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		50.139.679.452	61.800.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(58.747.340.854)	(47.889.856.493)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(5.463.735.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(8.607.661.402)</b>	<b>8.446.408.507</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(92.159.956.520)</b>	<b>51.213.342.305</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>153.714.090.879</b>	<b>21.442.528.973</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>61.554.134.359</b>	<b>72.655.871.278</b>

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2010

Người lập biểu

Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng

Lê Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Tam

# CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, dịch vụ, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh** : Công nghiệp đường, cồn, nha, nước uống có cồn và không có cồn; Chế biến các sản phẩm sau đường, nông, lâm sản, thức ăn gia súc; Dịch vụ vận tải, cơ khí, cung ứng vật tư nguyên liệu; Sản xuất và cung ứng giống cây, con, tiêu thụ sản phẩm; Chăn nuôi bò sữa, chế biến sữa, bò thịt, chế biến các sản phẩm cao su, giấy bao bì carton, kinh doanh thương mại, khách sạn ăn uống; Xuất nhập khẩu các sản phẩm trên và tài sản cố định, máy móc, thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế phục vụ cho sản xuất kinh doanh; Kinh doanh bất động sản với quyền sở hữu hoặc đi thuê; Sản xuất kinh doanh CO<sub>2</sub> (khí, lỏng, rắn); Nghiên cứu và phát triển khoa học nông nghiệp, công nghiệp; Nước sạch phục vụ sản xuất và sinh hoạt; Dịch vụ sửa chữa và gia công máy móc, thiết bị; Dịch vụ làm đất nông, lâm nghiệp.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 là năm tài chính thứ 11 của Công ty từ khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### 3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên phần mềm máy tính (Hệ thống quản trị doanh nghiệp ERP- Oracle E-Business Suite).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

#### **3. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### **4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

#### **5. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 50
Máy móc và thiết bị	04 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 – 30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 10

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **6. Tài sản cố định vô hình**

#### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo thời hạn sử dụng đất.

#### ***Phần mềm máy tính***

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 05 năm.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Tiền thuê đất, thuê kho trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

### **12. Trích lập Quỹ Khoa học và Phát triển công nghệ:**

Trong kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 31/03/2010, Công ty thực hiện trích lập quỹ khoa học và phát triển công nghệ với tỷ lệ 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp và phản ánh số trích lập trên chỉ tiêu “Chi phí phải trả”

### **13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **14. Cổ phiếu quỹ**

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

### **15. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối năm. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **16. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm 31/12/2009:	17.941 VND/USD
31/03/2010:	18.544 VND/USD

### 17. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối năm.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	682.217.005	118.318.130
Tiền gửi ngân hàng	4.871.917.354	5.595.772.749
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	56.000.000.000	148.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống tính từ thời điểm phát sinh	56.000.000.000	148.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>61.554.134.359</b>	<b>153.714.090.879</b>

### 2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	115.748.310.688	113.718.310.688
- Cổ phiếu	105.748.310.688	103.718.310.688
- Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	10.000.000.000	10.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	39.826.574.818	58.906.870.350
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống	-	40.000.000.000
- Cho vay ngắn hạn	39.826.574.818	18.906.870.350
<b>Cộng</b>	<b>155.574.885.506</b>	<b>172.625.181.038</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(39.562.680.688)	(38.176.598.688)

**Ghi chú:** Biến động giữa số cuối kỳ so với số đầu năm do trích lập dự phòng do đánh giá lại cổ phiếu niêm yết tại thời điểm 31/03/2010 (1.386.082.000 đồng).

### 4. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hùng Vương	97.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ khí - Chi nhánh Bắc Hà	-	104.430.000
Công ty TNHH nước giải khát Cocacola Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây	13.250.000.000	-
Công ty TNHH Bảo Đức	32.099.000.000	-
Công ty TNHH SXTM Lam Thành	7.875.000.000	-
Công ty CP SXTM Thành Thành Công	3.937.500.000	3.937.500.000
Công ty TNHH Pesico Việt Nam - CN Hà Nội	7.080.000.000	3.300.000.000
Công ty CP thực phẩm Lam Sơn	2.620.761.429	3.924.761.429
Lương Thị Bắc	-	2.488.000.000
Châu Kim Yến	5.625.000.000	5.625.000.000
Các khách hàng khác	2.330.379.623	2.010.433.391
<b>Cộng</b>	<b><u>74.914.641.052</u></b>	<b><u>21.390.124.820</u></b>

### 5. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	149.291.989	149.291.989
Ứng trước cho người trồng mía	12.020.096.181	49.602.782.384
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	-	15.980.133.111
Nông trường Lam Sơn	-	3.424.927.558
Nông trường Sông Âm	-	682.289.811
Nông trường Thống Nhất	-	6.884.047.076
Công ty CP cơ giới NN Lam Sơn	-	2.394.650.328
Công ty TNHH Tân An	2.160.300.000	-
Đoàn khảo sát thiết kế quy hoạch nông nghiệp	75.000.000	75.000.000
Công ty CP đầu tư xây dựng và kết cấu không gian CEF	16.500.000.000	15.500.000.000
Các khách hàng khác	2.203.812.255	3.961.920.433
<b>Cộng</b>	<b><u>33.108.500.425</u></b>	<b><u>98.655.042.690</u></b>

### 6. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
--	-------------------	-------------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Các khoản cho vay:	11.934.581.400	12.134.581.400
<i>Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn</i>	<i>1.800.000.000</i>	<i>1.800.000.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn</i>	<i>2.180.800.000</i>	<i>2.180.800.000</i>
<i>Công ty Cổ phần Sữa Lam Sơn</i>	<i>7.953.781.400</i>	<i>8.153.781.400</i>
Phải thu CB CNV trả nợ tiền vay Ngân hàng		
Công thương Thanh Hóa (Công ty bảo lãnh)	182.081.212	228.599.612
Dự thu lãi tiền gửi NH có kỳ hạn	923.591.667	3.016.285.556
Dự thu lãi vay - Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Lam Sơn	1.164.930.573	976.830.573
Dự thu lãi vay - Công ty CP vận tải Lam Sơn	-	-
Dự thu lãi vay - Công ty CP Phân bón Lam Sơn	720.000.000	33.333.333
Dự thu lãi vay - Công ty CP giấy Lam Sơn	1.211.794.200	1.000.369.800
Phải thu Công ty TNHH SX TM Lam Thành	-	-
Phải thu Công ty CP rượu VN - Thụy Điển	455.486.431	179.683.579
Cổ tức LN được chia năm 2007 (Lam Thành)	-	-
Cổ tức LN được chia năm 2008 (Lam Thành)	1.377.095.593	1.377.095.593
Cổ tức LN được chia năm 2009 (MĐ Sơn La)	-	750.000.000
Các khoản phải thu khác	3.228.803.894	248.756.527
<b>Cộng</b>	<b>21.198.364.970</b>	<b>19.945.535.973</b>
<b>7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán	(47.550.394)	(106.399.333)
<b>8. Hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Hàng đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.854.952.741	21.527.440.484
Công cụ, dụng cụ	1.219.578.720	981.068.951
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.267.631.302	9.685.749.450
Thành phẩm	383.544.180.453	40.103.041.368
Hàng hóa	2.601.150.377	757.158.904
<b>Cộng</b>	<b>404.487.493.593</b>	<b>73.054.459.157</b>
<b>9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</b>		
	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>10. Chi phí trả trước ngắn hạn</b>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí kiểm tu	12.126.090.175		12.126.090.175		
Công cụ dụng cụ	-				
Chi phí điện lưới	-	2.154.318.555	2.154.318.555		
Bảo hộ LĐ	-				
Chi phí sửa chữa phát sinh ngoài vụ	-				
Chi phí chênh lệch giá ngọn giống mía	473.327.929		473.327.929		
Chi phí khác	1.833.161.709	13.389.762.887	8.986.712.090		6.236.212.506
<b>Cộng</b>	<b>14.432.579.813</b>	<b>15.544.081.442</b>	<b>23.740.448.749</b>		<b>6.236.212.506</b>

**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	1.348.797.029	771.124.295
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	803.667.992
Tài sản thiếu chờ xử lý	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.348.797.029</b>	<b>1.574.792.287</b>

**12. Phải thu dài hạn khác:**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ứng trước cho người bán	-	-
Các khoản phải thu dài hạn khác:	12.828.643.562	13.369.627.502
- Nông trường Thống Nhất (DA tưới nước)	1.357.200.000	1.696.500.000
- Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng (DA tưới nước)	5.646.299.571	7.057.896.963
- Nông trường Sông Âm (DA tưới nước)	1.057.200.000	1.321.500.000
- Phải thu dài hạn khác	4.767.943.991	3.293.730.539
<b>Cộng</b>	<b>12.828.643.562</b>	<b>13.369.627.502</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	177.164.623.102	748.663.615.741	54.227.319.280	21.144.525.253	-	1.001.200.083.376
Tăng trong kỳ						
Mua sắm mới	55.667.273	278.462.000		13.600.000		347.729.273
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành						
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn Chuyển thành CCDC		(85.246.448)				(85.246.448)
Giảm khác (ĐC giá trị tài sản) Phân loại lại						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>177.220.290.375</b>	<b>748.856.831.293</b>	<b>54.227.319.280</b>	<b>21.158.125.253</b>		<b>1.001.462.566.201</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	130.423.314.052	654.835.093.328	41.950.800.812	17.190.519.266	-	844.399.727.458
Tăng trong kỳ						
Khấu hao trong kỳ	5.349.758.646	11.381.430.803	889.538.856	443.201.993		18.063.930.298
Khấu hao TSCĐ phúc lợi Phân loại lại	4.487.700					4.487.700
Giảm trong kỳ						
Thanh lý, nhượng bán và góp vốn Chuyển thành CCDC						
Phân loại lại						
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>135.777.560.398</b>	<b>666.216.524.131</b>	<b>42.840.339.668</b>	<b>17.633.721.259</b>		<b>862.468.145.456</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	46.741.309.050	93.828.522.413	12.276.518.468	3.954.005.987	-	156.800.355.918
Số cuối kỳ	<b>41.442.729.977</b>	<b>82.640.307.162</b>	<b>11.386.979.612</b>	<b>3.524.403.994</b>		<b>138.994.420.745</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy vi tính</b>	<b>Giá trị lợi thế doanh nghiệp</b>	<b>Cộng</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số đầu năm	745.878.600	5.691.471.321	-	6.437.349.921
Tăng trong kỳ do mua sắm				
Hoàn thành từ XDCB				
Giảm trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>745.878.600</b>	<b>5.691.471.321</b>		<b>6.437.349.921</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Số đầu năm	74.587.865	3.561.637.260	-	3.636.225.125
Tăng trong kỳ do khấu hao	9.323.484	297.599.835		306.923.319
Giảm trong kỳ				
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>83.911.349</b>	<b>3.859.237.095</b>		<b>3.943.148.444</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số đầu năm	671.290.735	2.129.834.061	-	2.801.124.796
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>661.967.251</b>	<b>1.832.234.226</b>		<b>2.494.201.477</b>

**15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Chi phí tăng trong kỳ</b>	<b>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</b>	<b>Giảm khác trong kỳ</b>	<b>Số cuối kỳ</b>
Mua sắm TSCĐ	-				
Công trình NVH thể thao	759.176.155				759.176.155
Công trình Kho đường số 5	27.300.000				27.300.000
Dự án 02 bể mật rỉ 6.000m <sup>3</sup>	11.208.000				11.208.000
Dự án Netafim Thống Nhất	-				
Dự án Netafim Lam Sơn Sao Vàng	-				
Dự án Netafim Lam Sơn	-				
Dự án Netafim HTX Thọ Minh	-				
CP chung DA tưới nước CN Netafim	-				
Dự án xây dựng 02 bể cồn 700 m <sup>3</sup>	-				
Dự án khách sạn		7.000.000			7.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Lam Sơn					
Dự án dịch hèm cô đặc		3.500.000			3.500.000
Bồn chứa cón 200M3	-				
Ban sáng lập Trường CĐN Lam Kinh	222.993.683	90.125.893	7.481.500		305.638.076
<b>Cộng</b>	<b>1.020.677.838</b>	<b>100.625.893</b>	<b>7.481.500</b>		<b>1.113.822.231</b>

**16. Đầu tư vào công ty con**

<u>Tên công ty con</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư tại 31/03/2010</u>
	<u>Theo giấy phép</u>	<u>Thực góp</u>	
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	58,06%	58,06%	9.000.000.000
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	90,98%	90,98%	18.196.593.886
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	58,33%	58,33%	2.079.000.000
<b>Cộng</b>			<b>29.275.593.886</b>

**17. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

<u>Tên công ty liên kết, liên doanh</u>	<u>Tỷ lệ cổ phần sở hữu</u>		<u>Vốn đầu tư tại 31/03/2010</u>
	<u>Tỷ lệ vốn góp</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Hoá	34,03%	34,03%	4.769.990.000
Công ty CP Đầu tư Thương mại Lam Sơn	28,57%	28,57%	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Rượu Việt Nam - Thủy Điển	32,50%	32,50%	9.750.000.000
Công ty CP giấy Lam Sơn	32,04%	42,18%	3.276.400.000
Công ty CP sữa Lam Sơn	19,06%	25,48%	15.249.920.000
<b>Cộng</b>			<b>43.046.310.000</b>

**18. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư trái phiếu	500.000.000	500.000.000
Cho vay dài hạn	20.073.178.187	21.573.178.187
<i>Công ty Cổ phần Giấy Lam Sơn</i>	<i>7.418.400.000</i>	<i>7.418.400.000</i>
<i>Công ty Cổ phần CG NN Lam Sơn</i>	<i>554.778.187</i>	<i>554.778.187</i>
<i>Công ty Cổ phần vận tải Lam Sơn</i>	<i>5.500.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
<i>Công ty CP ĐTTM Lam Sơn</i>	<i>6.600.000.000</i>	<i>6.600.000.000</i>
Đầu tư dài hạn khác	155.452.000.000	138.892.000.000
<i>Công ty CP Vận tải Lam Sơn (19% VDL)</i>	<i>1.900.000.000</i>	<i>1.900.000.000</i>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín (4,225% VDL)</i>	88.560.000.000	72.000.000.000
<i>Tổng Công ty Bảo hiểm VN ( 0,0368% VDL)</i>		-
<i>Ban sáng lập Trường Đại học Lam Kinh</i>	300.000.000	300.000.000
<i>Công ty CP Mía đường Sơn La (15% VDL)</i>	11.250.000.000	11.250.000.000
<i>Công ty CP Bảo hiểm Viễn Đông (8% VDL)</i>	23.142.000.000	23.142.000.000
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam- VFMVF4</i>	-	-
<i>Chứng chỉ Quỹ Đầu tư Chứng khoán con Hồ Việt Nam (6% VDL)</i>	30.300.000.000	30.300.000.000
<i>Ngân hàng ngoại thương Việt Nam</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>176.025.178.187</u></b>	<b><u>160.965.178.187</u></b>

**19. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán dài hạn	(8.289.105.851)	(8.289.105.851)
Dự phòng khoản lỗ của công ty liên kết	(920.882.674)	(920.882.674)
<b>Cộng</b>	<b><u>(9.209.988.525)</u></b>	<b><u>(9.209.988.525)</u></b>

**20. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thuê đất	1.688.151.546		13.773.450		1.674.378.096
<i>Khu đất phía Nam</i>	351.499.988		2.375.001		349.124.987
<i>Khu đất liên kề</i>					
<i>VP Công ty</i>	259.956.388		1.712.451		258.243.937
<i>Khu đất phía Bắc</i>	582.414.600		3.831.675		578.582.925
<i>Khu đất đầu thầu của UBND Thị trấn Lam Sơn</i>	292.000.012		1.824.999		290.175.013
<i>Khu đất Lâm nghiệp Xóm 1 - Xuân Bái</i>	181.080.008		2.514.999		178.565.009
<i>Khu đất thầu trồng cây quanh Hồ sử lý</i>	21.200.550		1.514.325		19.686.225
Chi phí thuê kho					
Vạn Xuân	-				
Chi phí sửa phòng Hội thảo	-				

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Chi phí thuê nhà ĐTTM LS	388.620.000		68.580.000		320.040.000
DA tưới nước ngầm CN Netafim	906.077.748	281.480.616	192.695.932		994.862.432
Chi phí Website công ty	54.093.750		54.093.750		
Chi phí quy hoạch vùng nguyên liệu	326.853.282		52.567.601		274.285.681
Chênh lệch tỷ giá hối đoái i trong đầu tư XDCB	-				
<b>Cộng</b>	<b><u>3.363.796.326</u></b>	<b><u>281.480.616</u></b>	<b><u>381.710.733</u></b>		<b><u>3.263.566.209</u></b>

**21. Vay và nợ ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn đến hạn trả	22.486.158.537	31.327.333.572
Vay ngân hàng, tổ chức tín dụng	-	-
Vay ngắn hạn cán bộ nhân viên Công ty, khác	1.000.000.000	1.005.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>23.486.158.537</u></b>	<b><u>32.332.833.572</u></b>

*Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:*

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số PS tăng trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	-			
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả	31.327.333.572		8.841.175.035	22.486.158.537
Vay ngắn hạn các ĐT khác	1.005.500.000		5.500.000	1.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>32.332.833.572</u></b>		<b><u>8.846.675.035</u></b>	<b><u>23.486.158.537</u></b>

**22. Phải trả người bán**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả tại XNNL</b>	<b>156.756.651.185</b>	<b>48.427.030.563</b>
Phải trả người trồng mía	151.352.577.983	43.718.158.475
Công ty CP phân bón Lam Sơn	2.297.338.459	1.369.740.459
Công ty CP vận tải Lam Sơn	3.106.734.743	3.339.131.629
<b>Phải trả tại VPCT</b>	<b>7.677.003.633</b>	<b>9.477.498.742</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Thương mại Thanh Trang	2.404.566.767	1.656.831.094
Công ty TNHH Thiết bị Công nghiệp M&T	-	-
Công ty TNHH Tân An	142.633.200	124.378.846
Công ty Hùng Vương	1.648.490.010	385.150.000
Công ty Cổ phần Nồi hơi Việt Nam	-	-
Công ty Cổ phần Vận tải Lam Sơn	43.607.866	43.607.866
Công ty Cổ phần Phân bón Lam Sơn	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ giới Nông nghiệp Lam Sơn	-	-
Công ty TNHH Lam Sơn - Sao Vàng	13.000.000	265.000.000
Công ty CP cơ khí xây dựng số 2 Hà Bắc	-	544.596.994
Công ty TNHH Toàn Phú Quý	-	41.123.060
Advance Syndicate	28.419.696	397.252.303
Netafim.Ltd	-	-
Các nhà cung cấp khác	3.116.156.094	6.019.558.579
<b>Cộng</b>	<b><u>164.433.654.818</u></b>	<b><u>57.904.529.305</u></b>

**23. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty thực phẩm miền Bắc	-	257.400.000
Công ty CP đầu tư thương mại Lam Sơn	294.000.000	294.000.000
Công ty CP SXTM Thành Thành Công	-	-
Công ty CP khí CN Bắc Hà	132.735.000	-
Lương Thị Bắc	286.000.000	-
Công ty CP thực phẩm Lam Sơn	-	-
Công ty TNHH 1TV Vilitas Thái Bình	-	12.567.220.000
Công ty TNHH rượu vang và rượu mạnh La Martiniquaise VN	-	375.534.998
Các khách hàng khác	384.130.000	155.030.000
<b>Cộng</b>	<b><u>1.096.865.000</u></b>	<b><u>13.649.184.998</u></b>

**24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.620.050.181	11.770.949.796	15.663.330.220		2.727.669.757
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	21.789.695	372.674.000	394.463.695		
Thuế xuất, nhập khẩu	30.054.752		30.054.752		
Thuế TNDN	46.727.292.527	20.850.979.546	12.220.125.443		55.358.146.630
Thuế TNDN nộp thay nhà	-	-			

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
thầu NN					
Thuế TNCN	131.393				
Tiền thuê đất	-	4.000.000	4.000.000		
Các loại thuế khác	-				
<b>Cộng</b>	<b><u>53.399.318.548</u></b>	<b><u>32.998.603.342</u></b>	<b><u>28.311.974.110</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>58.085.947.780</u></b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất như sau:

Ngọn mía giống	Không chịu thuế
Đường, mật rỉ,	5%
Cồn	10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Xem thuyết minh số IV.14.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp Quý I năm 2010:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>90.850.151.638</b>	<b>49.650.001.004</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	105.119.703	(769.499.234)
- Các khoản điều chỉnh giảm	105.119.703	-
<i>Cổ tức, LN được chia</i>	-	(688.923.000)
<b>Tổng thu nhập chịu thuế</b>	<b>90.955.271.341</b>	<b>48.880.501.770</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>22.738.817.835</b>	<b>12.220.125.443</b>
<i>Điều chỉnh thuế TNDN</i>	-	-
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>22.738.817.835</b>	<b>12.220.125.443</b>

**Thuế nhà đất**

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

**25. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	103.014.612	66.583.425

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí vận chuyển vật tư, hàng hoá	788.231.249	447.333.333
Chi phí sử dụng điện, hơi, nước phải trả	-	144.387.270
Chi phí thuê ủi bãi	233.137.776	56.436.554
Chi phí thu mua mía	16.868.102.673	-
Chi phí triển khai dự án chuyển đổi cơ cấu giống	1.000.000.000	-
Chi phí hợp đồng bảo vệ vụ ép	1.988.563.503	525.125.397
Chi phí kiểm toán BCTC	257.905.856	498.933.000
Quỹ phát triển KH CN	30.935.652.045	20.874.055.928
Chi phí dịch vụ phải trả khác	1.576.480.229	175.041.799
<b>Cộng</b>	<b>53.751.087.943</b>	<b>22.787.896.706</b>

**26. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	-	-
Bảo hiểm xã hội	2.876.693.732	618.563.959
Kinh phí công đoàn	939.865.858	303.169.834
Cổ tức phải trả	529.124.334	472.680.334
Phải trả cho người lao động về nghỉ dưỡng sức	94.132.500	96.570.000
Phải trả CNV về ốm đau, thai sản	19.068.867	32.068.867
Các Quỹ ủng hộ nhân viên đóng góp	14.859.369.073	15.357.969.073
Hoàn ứng	51.236.424	125.765.956
Các khoản phải trả khác	27.719.758	28.078.778
<b>Cộng</b>	<b>19.397.210.546</b>	<b>17.034.866.801</b>

**27. Phải trả dài hạn khác**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
Phải trả Nhà nước tiền mua cổ phiếu hộ nghèo	-	578.632.133

**28. Vay và nợ dài hạn**

	<b>Số cuối kỳ</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>		
Vay VND Ngân hàng Phát triển Thanh Hoá	12.873.652.941	12.873.652.941
<i>Đầu tư cho dự án Nhà máy cồn xuất khẩu với lãi suất 5,4%/năm, thời hạn vay 7 năm.</i>	<i>12.000.737.556</i>	<i>12.000.737.556</i>
<i>Đầu tư cho dự án NM sữa với lãi suất 5,4%/năm, thời hạn vay 7 năm.</i>	<i>872.915.385</i>	<i>872.915.385</i>
Vay ngoại tệ Ngân hàng Phát triển Thanh Hóa (vốn ODA)	-	-
<i>tương đương</i>	-	-
<b>Cộng</b>	<b>12.873.652.941</b>	<b>12.873.652.941</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)**29. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả**

Thuế TNDN hoãn lại liên quan đến khoản lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái trong kỳ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

<b>Số đầu năm</b>	-
Phát sinh trong kỳ	-
Hoàn nhập trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	-

**30. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

<b>Số đầu năm</b>	<b>380.556.233</b>
Số trích lập trong kỳ	166.505.469
Số chi trong kỳ	(45.493.770)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>501.567.932</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 31. Vốn chủ sở hữu

#### *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi sau thuế chưa phân phối	
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>114.994.917.000</b>	<b>(9.703.995.196)</b>	<b>-</b>	<b>104.270.219.947</b>	<b>16.143.625.582</b>	<b>14.473.825.323</b>
Lợi nhuận trong năm trước							154.535.987.972
Trích lập các quỹ				5.608.556.614	2.804.278.307		(14.021.391.535)
Chia cổ tức năm trước							(23.607.576.000)
Bổ sung từ thuế TNDN được ưu đãi							(1.040.712.479)
Các khoản khác							
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>114.994.917.000</b>	<b>(9.703.995.196)</b>	<b>(280.763.897)</b>	<b>109.878.776.561</b>	<b>18.947.903.889</b>	<b>130.340.133.281</b>
Số dư đầu năm nay	300.000.000.000	114.994.917.000	(9.703.995.196)	(280.763.897)	109.878.776.561	18.947.903.889	130.340.133.281
LN các năm trước							68.111.333.803
Lợi nhuận trong kỳ							
Trích lập các quỹ							
Chia cổ tức năm nay							
Thuế TNDN miễn							
Các khoản khác							
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>300.000.000.000</b>	<b>114.994.917.000</b>	<b>(9.703.995.196)</b>	<b>-</b>	<b>109.878.776.561</b>	<b>18.947.903.889</b>	<b>198.451.467.084</b>

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	263.575.100.000	263.575.100.000
Vốn đầu tư của Nhà nước	36.424.900.000	36.424.900.000
Thặng dư vốn cổ phần	114.994.917.000	114.994.917.000
Cổ phiếu quỹ	(9.703.995.196)	(9.703.995.196)
<b>Cộng</b>	<b><u>405.290.921.804</u></b>	<b><u>405.290.921.804</u></b>

**Cổ tức**

Cổ tức đã chi trả trong kỳ như sau:

Cổ tức năm trước		
Cổ tức năm nay		-
Trong đó:		
- Trả bằng tiền		-
- Trả bằng cổ phiếu		-
<b>Cộng</b>		<b><u>-</u></b>

**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	30.000.000	30.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	30.000.000	30.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	490.530	490.530
- Cổ phiếu phổ thông	490.530	490.530
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	29.509.470	29.509.470
- Cổ phiếu phổ thông	29.509.470	29.509.470

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND. Mệnh giá cổ phiếu năm trước 10.000 VND.

Giá vốn bình quân cổ phiếu quỹ: 19.782,674 đ/CP

**Mục đích trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu:**

Quỹ đầu tư phát triển được dùng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để:

- Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản;
- Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.

**32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng quỹ trong kỳ</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Giảm khác</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	15.092.504.564				15.092.504.564
Quỹ phúc lợi	11.959.314.365		261.690.000	4.487.700	11.693.136.665
<b>Cộng</b>	<b><u>27.051.818.929</u></b>		<b><u>261.690.000</u></b>	<b><u>4.487.700</u></b>	<b><u>26.785.641.229</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

<b>33. Nguồn kinh phí</b>	
<b>Số đầu năm</b>	<b>84.776.114</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Chi sự nghiệp	(47.200.000)
Giảm khác	
Kết chuyển vào TN khác	
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>37.576.114</b>
	<hr/>
<b>34. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định</b>	
<b>Số đầu năm</b>	<b>738.103.717</b>
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ	
Khấu hao trong kỳ	(48.248.451)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>689.855.266</b>
	<hr/>
<b>35. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công</b>	
<b>Số đầu năm</b>	<b>103.742.647.619</b>
Tăng trong kỳ	29.407.246.753
Giảm trong kỳ	(133.149.894.372)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>
	<hr/>
<b>36. Nợ khó đòi đã xử lý</b>	
<b>Số đầu năm</b>	<b>548.144.663</b>
Nợ khó đòi đã xử lý trong kỳ	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được trong kỳ	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>548.144.663</b>
	<hr/>

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH QUÝ I NĂM 2010****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>253.922.841.291</b>	<b>282.034.132.010</b>
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	1.941.599.599	1.977.143
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	251.361.047.248	281.316.265.693
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	620.194.444	715.889.174
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
- <i>Giảm giá hàng bán</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>253.922.841.291</b>	<b>282.034.132.010</b>
<i>Trong đó:</i>		
- <i>Doanh thu thuần bán hàng hóa</i>	1.941.599.599	1.977.143
- <i>Doanh thu thuần bán thành phẩm</i>	251.361.047.248	281.316.265.693
- <i>Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ</i>	620.194.444	715.889.174

**2. Giá vốn hàng bán:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	1.974.781.417	-
Giá vốn của thành phẩm đã cung cấp	142.140.464.164	214.944.261.286
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	394.181.204	19.370.502
<b>Cộng</b>	<b>144.509.426.785</b>	<b>214.963.631.788</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi	3.623.350.635	818.405.581
Lãi tiền cho vay	1.361.993.919	956.783.067
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	129.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	559.923.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	79.356.234
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	102.000.009
Lãi thanh lý công ty con	-	-
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Thu nhập từ các khoản khác	172.767.516	177.028.545
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	-	2.683.617.516
<b>Cộng</b>	<b>5.158.112.070</b>	<b>5.506.113.952</b>

**4. Chi phí tài chính:**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.299.998.606	1.159.227.108
Lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	44.610.326	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	454.337.285	145.666.569

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý công ty con	-	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn khác	-	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.386.082.000	4.247.227.531
<b>Cộng</b>	<b><u>3.185.028.217</u></b>	<b><u>5.552.121.208</u></b>
<b>5. Chi phí bán hàng:</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	1.535.912.858	1.660.108.793
Chi phí vật liệu	11.120.000	18.336.662
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	228.750.950	40.181.095
Chi phí khấu hao TSCĐ	304.556.942	338.206.935
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.370.977.923	3.370.662.452
Chi phí bằng tiền khác	555.085.733	409.071.155
<b>Cộng</b>	<b><u>4.006.404.406</u></b>	<b><u>5.836.567.092</u></b>
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp:</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	3.068.921.326	2.431.649.934
Chi phí vật liệu quản lý	97.589.392	10.536.432
Chi phí đồ dùng văn phòng	212.036.779	173.840.707
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.144.010.757	1.948.552.815
Thuế, phí và lệ phí, tiền thuê đất	155.841.552	38.781.580
Chi phí dự phòng, trợ cấp mất việc làm	-	146.420.460
Chi phí dịch vụ mua ngoài	593.748.537	472.226.214
Chi phí bằng tiền khác	1.135.045.997	930.681.086
Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	10.106.141.260	5.431.166.863
<b>Cộng</b>	<b><u>16.513.335.600</u></b>	<b><u>11.583.856.091</u></b>
<b>7. Thu nhập khác:</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Thu nhập từ bán phế liệu thu hồi	-	9.609.091
Các khoản thu nhập khác	17.294.886	130.965.384
<b>Cộng</b>	<b><u>17.294.886</u></b>	<b><u>140.574.475</u></b>
<b>8. Chi phí khác:</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	32.948.193	-
Các khoản chi phí khác	953.408	94.643.254
<b>Cộng</b>	<b><u>33.901.601</u></b>	<b><u>94.643.254</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		

### 10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu:

	<u>Năm nay</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	68.111.333.803
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	29.509.470
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.308</b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân đầu năm	29.509.470
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b>29.509.470</b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty Quý I năm 2010:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>		
<b>Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		<b>31/03/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	64,37	56,76
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	35,63	43,24
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	31,93	24,04
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	68,07	75,96
<b>Khả năng thanh toán</b>		<b>31/03/2010</b>	<b>31/12/2009</b>
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	3,13	4,16
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	2,09	2,52
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,18	0,75
<b>Tỷ suất sinh lời:</b>		<b>Quý I năm 2010</b>	<b>Quý I năm 2009</b>
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			

**CÔNG TY CỔ PHẦN MÍA ĐƯỜNG LAM SƠN**

Địa chỉ: Thị trấn Lam Sơn, huyện Thọ Xuân, Thanh Hoá

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho niên độ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2010

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

<b>Chỉ tiêu</b>	<b>Đơn vị tính</b>		
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	35,06	17,26
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	%	26,29	13,00
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	35,78	17,60
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần cung cấp hàng hóa, dịch vụ	%	26,82	13,26
<b>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</b>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	8,14	5,45
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	6,1	4,11
<b>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</b>	%	9,3	5,63

Lập ngày 15 tháng 04 năm 2010

Người lập biểu



Lê Huy Hùng

Kế toán trưởng



Lê Thị Huệ

Chủ tịch HĐQT



Lê Văn Tam